

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HS-ST
Ngày: 08-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hiến Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông **Mai Văn Thanh**
2- Ông **Nguyễn Tuấn Anh**

- Thư ký phiên tòa:

Bà **Phạm Thị Thi** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa:

Ông **Phạm Tuấn Kiệt** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án Huyện, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Thùy T**, sinh năm 1987; HKTT và chỗ ở ấp GC, xã VT, huyện VH, Long An; nghề nghiệp làm thuê; trình độ văn hóa 05/12; dân tộc kinh; giới tính nữ; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông NTH, sinh năm 1963 (còn sống) và bà LTTH, sinh năm 1968 (còn sống); có chồng tên NDP, sinh năm 1995 và có 01 người con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự không; tạm giữ ngày 13/02/2018 đến ngày 16/02/2018, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

*** Người làm chứng:**

1. **Lê Văn C** - sinh năm: 1993. (vắng mặt)

2. **Nguyễn Ngọc TH** - sinh năm: 1988. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm d, thị trấn MA, huyện X, Đồng Tháp.

3. **Nguyễn SC** - sinh năm: 1990. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn MA, huyện X, Đồng Tháp.

4. Bùi Thị N

- sinh năm: 1995. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp d, xã MĐ, huyện X, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Thị Thùy T bị Viện kiểm sát huyện Tháp Mười truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 15/10/2013, Nguyễn Minh H và Lê Văn C đi chơi ở chợ Tháp Mười về ngang nhà của chị Phạm Thị Cẩm NU (địa chỉ khu dân cư khóm d, thị trấn MA, huyện X), thì thấy cửa nhà khóa bên ngoài, biết nhà chị NU không người trông coi, nên H và C nảy sinh ý định vào nhà trộm cắp tài sản. C và H sử dụng đá đập cửa kính, dùng cây để cạy khung sắt cửa sổ nhà nhưng không được, nên về nhà kêu Nguyễn Ngọc TH cùng tham gia thì TH đồng ý. C, H, TH dùng cây cạy làm gãy một phần của khung sắt cửa sổ rồi đột nhập vào bên trong nhà lấy trộm số tài sản gồm: 01 chiếc lắc vàng 24K trọng lượng 04 chỉ; 01 dây chuyền vàng 24K có hình bông mai trọng lượng 05 chỉ; 01 đôi bông tai vàng 24K trọng lượng 01 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng 9999 trọng lượng 01 chỉ; 01 dây chuyền vàng 18K có mặt hình trái tim trọng lượng 1,25 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng 18K trọng lượng 04 phân; 01 vòng đeo tay vàng 18K trọng lượng 1,3 chỉ. H đem toàn bộ số vàng về nhà của Nguyễn Thị Thùy T lấy ra xem. T biết C, H, TH là những người không có nghề nghiệp, chỉ lo ăn chơi nên chỉ có đi trộm cắp của người khác mới có được số vàng trên, nhưng không dám hỏi vì sợ C đánh. Lúc này, H về nhà nói với Bùi Thị N là trộm được vàng và kêu N ngày hôm sau đi lên thành phố Cao Lãnh bán cùng với T, N không tin nên đi cùng với H đến nhà của T để xem vàng. Sau đó toàn bộ số vàng được giao cho T cất giữ.

Đến sáng ngày 15/10/2013, T nghe thông tin nhà bà NU có lực lượng khám nghiệm hiện trường vụ mất trộm tài sản, nên T biết số vàng của H, TH, C là do trộm của bà NU mà có. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, H, C và N đến nhà T lấy số vàng trộm được giao cho T và N đến thành phố Cao Lãnh bán, vì sợ bán ở chợ X sẽ bị phát hiện. T và N chia số vàng trên ra và đem đến thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp bán ở nhiều tiệm vàng khác nhau được số tiền là 31.900.000 đồng. Số tiền này, T và N đem về giao cho H, H đứng ra chia cho C, H, TH mỗi người 10.000.000 đồng, T được chia 1.900.000 đồng, N không được chia vì N là vợ H đã được chia phần do H nhận. T bị Cơ quan điều tra khởi tố vào ngày 12/10/2013, T bỏ trốn. Đến ngày 13/02/2018, thì ra đầu thú tại Công an xã VT, huyện VH, Long An. Hiện tại đã xử lý xong đối với hành vi của C, TH, N. Riêng H vẫn còn bị truy nã.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 45 ngày 06/11/2013 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tháp Mười kết luận: Tất cả số vàng của bà NU tại thời điểm bị mất trộm có tổng trị giá là 40.955.000 đồng.

Tại Bản án số 161/2014/HSPT ngày 05/6/2014 của Tòa án tỉnh Đồng Tháp và Bản án số 12/2014/HSST ngày 24/02/2014 của Tòa án huyện Tháp Mười, xử phạt Lê Văn C, Nguyễn Ngọc TH 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, buộc C và TH bồi thường cho chị NH số tiền 25.605.000 đồng và tịch thu tiêu hủy các vật chứng đã thu giữ trong vụ án.

Tại Bản án số 57/2015/HSST ngày 29/9/2015 của Tòa án huyện Tháp Mười, xử phạt Bùi Thị N 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án.

Tại Bản Cáo trạng số 12/CT-VKSTM ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát huyện Tháp Mười, đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thùy T về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Vị đại diện Viện kiểm sát huyện Tháp Mười thực hiện quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, đã đưa ra những chứng cứ, lý lẽ kết tội đối với bị cáo. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, căn cứ nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về tội danh: Căn cứ Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thùy T phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

+ Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, l, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thùy T từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

- Bị cáo T khai: Bị cáo không nhớ rõ ngày tháng, nhưng vào năm 2013, C, TH và H đến nhà bị cáo và mang theo một số vàng đưa cho bị cáo, C kêu bị cáo lên thành phố Cao Lãnh bán. Bị cáo cùng với N chia số vàng ra và bán ở nhiều tiệm vàng khác nhau ở thành phố Cao Lãnh, được số tiền hơn 30.000.000 đồng, bị cáo được chia số tiền 1.900.000 đồng. Bị cáo biết rõ số vàng đó là do C, TH và H lấy trộm của bà NU, nhưng vẫn đồng ý bán.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tháp Mười, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện Tháp Mười, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ

quan điều tra tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận: Bị cáo biết số vàng trị giá 40.955.000 đồng (theo Bản Kết luận định giá tài sản số 45 ngày 06/11/2013 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tháp Mười) do C, TH và H lấy trộm của bà NU mà có, nhưng bị cáo đã cùng với N đem đến thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập đầy đủ trong hồ sơ vụ án.

[3] Do đó, Viện kiểm sát huyện Tháp Mười truy tố bị cáo về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999 như sau:

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm .”

[4] Xét, bị cáo là phụ nữ lúc phạm tội lại đang mang thai, sống bằng nghề làm thuê. Đáng lý ra, bị cáo phải biết chí thú làm ăn để tạo ra của cải vật chất lo cho bản thân, gia đình và giúp ích cho xã hội. Nhưng ngược lại, bị cáo muốn có tiền mà không phải bỏ công sức lao động chân chính như bao người khác, nên khi biết được C, TH và H trộm vàng của bà NU, chẳng những bị cáo không khuyên ngăn C, TH và H trả tài sản cho bà NU, mà còn đồng ý cùng với N đem vàng đi bán để lấy tiền chia nhau tiêu xài. Do đó, cần có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, chẳng những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

[6] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội là phụ nữ có thai; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú*”, để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt là phù hợp với điểm h, l, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Đồng thời, xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hiện đang mang thai, bị cáo không có tiền án, tiền sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và nhằm thể hiện bản chất nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa, nên cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[7] Đối với hành vi phạm tội của Lê Văn C, Nguyễn Ngọc TH và phần trách nhiệm dân sự, vật chứng đã được giải quyết bằng Bản án số 12/2014/HSST ngày 24/02/2014 của Tòa án huyện Tháp Mười và Bản án số 161/2014/HSPT ngày 05/6/2014 của Tòa án tỉnh Đồng Tháp, nên không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[8] Đối với hành vi phạm tội của Bùi Thị N đã được giải quyết bằng Bản án số 57/2015/HSST ngày 29/9/2015 của Tòa án huyện Tháp Mười, Đồng Tháp, nên không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Bị cáo có quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Thùy T phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

2/- Xử phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, l, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thùy T 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 08/6/2018).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã VT, huyện VH, tỉnh Long An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

3/- Về án phí: Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị Thùy T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS Tỉnh, Huyện;
- Tòa án Tỉnh;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- Nhà tạm giữ Công an Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP, (Thị).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Hiến Cương